TẠP CHÍ
KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: 02 (87) 2025
ISSN 1859-2635

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng
Uỷ viên Bộ Chính trị
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền
Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính
Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im
University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm
University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyền
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BAN BIÊN TẬP

ThS. Châu Ngọc Hoè
ThS. Nguyễn Thị Thanh Thuỷ

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ **Số 02 năm 2025** **Năm thứ mười tám**

Mục lục

1. Phát triển hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk: Rào cản và giải pháp..... **3**
Nguyễn Duy Thụy

2. Thực trạng bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường ở tỉnh Quảng Nam và một số vấn đề đặt ra **10**
Trần Minh Đức, Vũ Thị Ngọc

3. Hội nghị Thượng đỉnh Tương lai của Liên Hợp Quốc và những vấn đề đặt ra cho thế giới và Việt Nam **19**
Nguyễn Văn Lịch, Phạm Thị Phương Anh

4. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua và sử dụng xe máy điện của sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội **27**
Nguyễn Danh Nam, Uông Thị Ngọc Lan

5. Phát triển kinh tế lâm nghiệp tại các huyện miền núi phía Bắc của tỉnh Quảng Nam **37**
Nguyễn Hoàng Yến

6. Ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ và eWOM đến ý định quay lại các điểm đến du lịch biển Phú Yên: Vai trò của niềm tin và giá trị cảm nhận **46**
Lê Đức Tâm

7. Nâng cao chất lượng dịch vụ vận chuyển khách du lịch bằng taxi tại thành phố Nha Trang... **56**
Lê Chí Công, Bùi Thị Thúy Vân

8. Vận dụng mô hình SCP phát triển thị trường cá tra ở Đồng bằng sông Cửu Long – Nghiên cứu trường hợp tỉnh Tiền Giang **64**
Mai Văn Xuân, Đỗ Đoan Trang, Phan Phùng Phú, Mai Lệ Quyên

9. Văn hóa doanh nghiệp và sự gắn bó của người lao động với công việc: Nghiên cứu thực nghiệm cho các doanh nghiệp FDI tại tỉnh Khánh Hòa **73**
Lê Hữu Nghĩa, Nguyễn Thị Hồng Đào

10. Xung đột xã hội về vấn đề môi trường tại tỉnh Quảng Ngãi trong bối cảnh công nghiệp hóa **81**
Nguyễn Thị Thanh Xuyên

11. Huy động, sử dụng nguồn nhân lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Lắk **90**
Đinh Như Hoài

12. Về nhận diện và phân tích giá trị dân tộc vùng biên giới đất liền ở Việt Nam hiện nay..... **99**
Trần Thị Phương Anh, Hoàng Văn Chung

13. Biện chứng giữa văn hóa và môi trường: Nghiên cứu các giá trị và thực hành truyền thống của cộng đồng vùng đầm phá thành phố Huế **107**
Trần Mai Phượng, Hồ Viết Hoàng

14. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay..... **115**
Trần Thị Hồng Hạnh

15. Công tác bổ dụng đội ngũ quan lại qua thi cử dưới triều Nguyễn (1802 -1885)..... **124**
Nguyễn Thế Hà, Phan Thùy Giang

16. Vùng đất Trấn Biên – Biên Hòa (Đồng Nai) từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX..... **135**
Nguyễn Đình Cơ, Nguyễn Phương Đại

17. Khảo cứu, phê bình kịch hát trên tạp chí Bách Khoa..... **144**
Phạm Ngọc Hiền

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01/04/2024, Giấy phép bổ sung số 81/GP-BVHTTDL ngày 24/7/2025. Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 02 năm 2025. In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiểu tháng 06/2025.

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review **No. 02, 2025** **The 18th Year**

Contents

1. Development of Agricultural Cooperatives in Dak Lak Province: Barriers and Solutions..... **3**
Nguyen Duy Thuy

2. The current situation of training in knowledge and professional skills for disseminating and educating environmental protection policies and laws in Quang Nam province and emerging issues..... **10**
Tran Minh Duc, Vu Thi Ngoc

3. The United Nations Future Summit and its implications for the world and Vietnam.....**19**
Nguyen Van Lich, Pham Thi Phuong Anh

4. Factors influencing university students' intention to purchase and use electric motorcycles in Hanoi.....**27**
Nguyen Danh Nam, Uong Thi Ngoc Lan

5. Developing forestry-based economic activities in the northern mountainous districts of Quang Nam Province.....**37**
Nguyen Hoang Yen

6. The influence of service quality and eWOM on revisit intention to Phu Yen coastal tourism destinations: The role of trust and perceived value.....**46**
Le Duc Tam

7. Enhancing the quality of tourist taxi services in Nha Trang city.....**56**
Le Chi Cong, Bui Thi Thuy Van

8. Applying the SCP Model to Develop the Pangasius Market in the Mekong Delta – A Case Study of Tien Giang Province.....**64**
Mai Van Xuan, Do Doan Trang, Phan Phung Phu, Mai Le Quyen

9. Corporate culture and employees' work engagement: An empirical study in FDI enterprises in Khanh Hoa province.....**73**
Le Huu Nghia, Nguyen Thi Hong Dao

10. Environmental-Related Social conflicts in Quang Ngai province in the context of industrialization.....**81**
Nguyen Thi Thanh Xuyen

11. Mobilizing and utilizing human resources for socio-economic development in ethnic minority areas of Dak Lak province.....**90**
Dinh Nhu Hoai

12. On identifying and analyzing the ethnic values of Vietnam's land border areas today **99**
Tran Thi Phuong Anh, Hoang Van Chung

13. The dialectics of culture and environment: A study on traditional values and practices among lagoon communities in Hue city.....**107**
Tran Mai Phuong, Ho Viet Hoang

14. Preserving and promoting the value of tangible cultural heritage in Hoa Vang District, Danang City in the current period.....**114**
Tran Thi Hong Hanh

15. The Appointment of Mandarins through Examinations under the Nguyễn Dynasty (1802–1885) ..**124**
Nguyen The Ha, Phan Thuy Giang

16. The land of Trấn Biên – Biên Hòa (Đồng Nai) from the 17th century to the first half of the 19th century.....**135**
Nguyen Dinh Co, Nguyen Phuong Dai

17. Research, criticism of Vietnamese musical theater in Bach Khoa magazine **144**
Pham Ngoc Hien

Phát triển kinh tế lâm nghiệp tại các huyện miền núi phía Bắc của tỉnh Quảng Nam

Nguyễn Hoàng Yến
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên
Email liên hệ: hoangyen0602@gmail.com

Tóm tắt: Khu vực miền núi phía Bắc của tỉnh Quảng Nam chủ yếu tập trung tại hai huyện Đông Giang và Tây Giang. Đây là địa bàn có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, kinh tế lâm nghiệp vẫn đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế. Bên cạnh phát triển các loại cây lâm nghiệp, thì phát triển các mô hình cây dược liệu, cây ăn quả cũng là một lợi thế của khu vực này. Tuy nhiên, quy mô, mô hình sản xuất lâm nghiệp ở khu vực này còn nhỏ, lẻ, manh mún nên chưa đạt hiệu quả kinh tế cao. Bên cạnh đó, cùng với các chính sách bảo vệ và tái tạo rừng tự nhiên, đã tạo ra cơ hội cho người dân cơ hội tiếp cận với lợi ích từ dịch vụ bảo vệ rừng, nhưng chưa tạo đột phá trong khai thác hiệu quả dưới tán rừng. Từ thực tiễn đó, bài viết phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế lâm nghiệp tại các huyện miền núi phía Bắc của tỉnh Quảng Nam.

Từ khóa: Lâm nghiệp, phát triển kinh tế, Đông Giang, Tây Giang, Quảng Nam

Developing forestry-based economic activities in the northern mountainous districts of Quang Nam Province

Abstract: The northern mountainous region of Quang Nam Province is primarily located in Dong Giang and Tay Giang districts. This area is home to many ethnic minority communities and continues to face significant socio-economic challenges. Forestry remains a crucial sector in the local economy. In addition to the development of traditional forestry crops, the cultivation of medicinal plants and fruit trees presents a comparative advantage for the region. However, forestry production models here are still small-scale, fragmented, and underdeveloped, resulting in limited economic efficiency. Furthermore, while forest protection and natural forest regeneration policies have created opportunities for local people to benefit from forest protection services, they have yet to generate breakthroughs in the effective use of forest understorey resources. From that practical context, the article analyzes the current situation and proposes several solutions to promote the development of forestry-based economic activities in the northern mountainous districts of Quang Nam province.

Keywords: Forestry, economic development, Dong Giang, Tay Giang, Quang Nam
Ngày nhận bài: 10/4/2025; **Ngày phản biện:** 15/4/2025; **Ngày duyệt đăng:** 20/5/2025

1. Đặt vấn đề

"Lâm nghiệp là ngành kinh tế - kỹ thuật bao gồm: quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng; chế biến và thương mại lâm sản" (Quốc hội 14, 2017). Văn kiện Đại hội XIII của Đảng cũng đã chỉ ra nhiệm vụ quan trọng của phát triển kinh tế lâm nghiệp, đặc biệt là bảo vệ, phục hồi rừng tự nhiên, nâng cao chất lượng rừng trồng, rừng gỗ lớn và lâm đặc sản (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Tỉnh Quảng Nam là địa phương ở khu vực miền Trung, với 09 huyện miền núi[(1)], là khu vực rộng lớn với nhiều tiềm năng phát triển kinh tế lâm nghiệp. Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp của tỉnh gần 748 nghìn ha, chiếm 70,82% diện tích của tỉnh. Ở khu vực miền núi phía Bắc của tỉnh Quảng Nam có 02 huyện Đông Giang và Tây Giang với diện tích tự nhiên 173,5 nghìn ha, trong đó đất lâm nghiệp chiếm 87,26%, với hơn 151,4 nghìn ha (Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam, 2024). Với lợi thế đó, lâm nghiệp trở thành một trong những định hướng phát triển chủ lực của các địa phương ở khu vực miền núi phía Bắc. Ở các địa phương Đông Giang và Tây Giang phát triển chủ yếu các sản phẩm lâm nghiệp như: cây keo, cây dược liệu, cây ăn quả, rừng gỗ lớn,…trồng các loại cây dưới tán rừng như sâm ba kích, đẳng sâm, chè dây, gừng,… Hoạt động sản xuất lâm nghiệp từng bước góp phần tạo

ra giá trị sản xuất, tạo việc làm và nâng cao đời sống của người dân. Tuy nhiên, phát triển lâm nghiệp ở khu vực này vẫn còn một số vấn đề đặt ra như: sự suy giảm chất lượng đất lâm nghiệp, sản xuất nhỏ, lẻ, manh mún,… Chính vì vậy, bài viết nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với nâng cao đời sống kinh tế - xã hội cho người dân ở các huyện Đông Giang và Tây Giang của tỉnh Quảng Nam.

2. Tổng quan về khu vực miền núi phía Bắc tỉnh Quảng Nam

Khu vực miền núi phía Bắc của tỉnh Quảng Nam có 02 huyện Đông Giang và Tây Giang. Là khu vực tiếp giáp với thành phố Huế về phía Bắc và giáp với nước bạn Lào (Tây Giang). Đây là khu vực chủ yếu vùng núi cao của tỉnh Quảng Nam, có điều kiện hạ tầng, kinh tế - xã hội hết sức khó khăn, quy mô dân số thuộc diện thấp nhất so với các địa phương khác trong tỉnh. Cả 02 huyện có quy mô dân số khoản hơn 46 nghìn người, chiếm khoản 3,05% dân số toàn tỉnh (Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam, 2024). Đặc biệt, ở khu vực miền núi phía Bắc của tỉnh là nơi tập trung chủ yếu nhiều dân tộc thiểu số sinh sống. Ở Đông Giang có đến 73,44% là người dân tộc Cơ Tu, ngoài ra còn có các dân tộc thiểu số khác như: Mường, Tày, Ê Đê, Ve, Giẻ Triêng (Ngọc Vy – Va Ra, 2024). Tại Tây Giang có đến 16 thành phần dân tộc thiểu số, trong đó người Cơ Tu chiếm tỷ trọng cao nhất với 91% dân số của huyện (HT, 2024).

Hoạt động kinh tế chính của người dân tại khu vực này chủ yếu dựa vào trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp. Với việc khai thác lợi thế của khu vực này cùng với các nguồn vốn hỗ trợ từ các chương trình mục tiêu quốc gia, nhiều mô hình sản xuất, sinh kế được hình thành, góp phần cải thiện đời sống của nhân dân. Tại Đông Giang, có 24 sản phẩm OCOP. Huyện cũng đã triển khai các mô hình kinh tế vườn, kinh tế trang trại (Trần Công Tú, 2024). Các hoạt động sinh kế chính của người dân trên địa bàn huyện như: trồng keo, nuôi heo, nuôi bò, xây dựng HTX, bảo vệ rừng, trồng cây dược liệu, trồng mây dưới tán rừng (Lan Anh, 2024). Tại Tây Giang các hoạt động kinh tế chính của người dân cũng trong điều kiện tương tự Đông Giang, đó là tập trung phát triển các mô hình trồng rừng, trồng chuối, chăn nuôi, trồng cây dược liệu (Võ Duy Lân, 2024). Bên cạnh các hoạt động kinh tế nông, lâm nghiệp thì du lịch cũng đã bước đầu đạt được những thành công nhất định ở các huyện Đông Giang, Tây Giang. Cùng với những nỗ lực, khuyến khích của cơ quan quản lý nhà nước, sự chung tay của cộng đồng doanh nghiệp, các mô hình phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng đã được hình thành, đặc biệt là các mô hình du lịch dựa vào bản sắc văn hóa độc đáo và đặc trưng truyền thống của các dân tộc thiểu số. Bước đầu hình thành các khu du lịch như: Khu du lịch Cổng Trời Đông Giang, khu du lịch sinh thái Trường Sơn – Sông Bung, làng văn hóa du lịch cộng đồng Ta Lang,… Bên cạnh đó, các địa phương ở khu vực này cũng đã thúc đẩy cơ hội phát triển du lịch mới. Nhờ vào các hoạt động kinh tế đa dạng từ nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, dịch vụ,… và sự đồng hành của nhà nước thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia, đời sống kinh tế - xã hội của người dân ở khu vực miền núi phía Bắc tỉnh Quảng Nam từng bước được cải thiện.

Cơ sở hạ tầng nông thôn ở các huyện Đông Giang, Tây Giang từng bước được cải thiện, đặc biệt là các hệ thống điện, đường, trường, trạm. Cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân buôn bán, giao thương, phát triển kinh tế xã hội. Đặc biệt, từ các nguồn vốn hỗ trợ Nghị quyết 88[(2)]; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững cho đồng bào, các huyện Đông Giang, Tây Giang đã lồng ghép thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng, mạng lưới giao thông liên xã, liên thôn và mở rộng cơ sở hạ tầng đến vùng sản xuất (Đại Thành – Thái Bình, 2022; Khánh Nguyên, 2023). Hệ thống cấp điện, trường học, trạm y tế cũng từng bước cải thiện ở các huyện Đông Giang, Tây Giang. Tại Tây Giang có 10/10 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 91%; có 23 trường học, với 12 trường đạt chuẩn; tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới đạt 96,27% và 96% số hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh (HT, 2024). Tại Đông Giang có 100% số thôn có đường giao thông thuận lợi cho ô tô đến tận thôn, có 99% hộ gia đình sử dụng điện và tiếp cận sử dụng nước hợp vệ sinh là 96% (Trần Hậu – Đoàn Hồng, 2022).

Tuy nhiên, do điều kiện tự nhiên là vùng núi cao, dân số đa phần là đồng bào dân tộc thiểu số, nên đời sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn rất cao. Tại huyện Đông Giang, mặc dù tỷ lệ hộ nghèo có giảm, nhưng vẫn còn rất cao. Theo đó, năm 2021, tỷ lệ hộ

nghèo của Đông Giang lên đến 52,88% (với hơn 3,9 nghìn hộ) thì đến năm 2023 tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 37,46% (với 2.878 hộ nghèo) và 783 hộ cận nghèo (Ngọc Thi, 2024). Đến năm 2024, tỷ lệ hộ nghèo của huyện tiếp tục giảm ước còn 30,79% (Anh Dũng, 2024). Tại Tây Giang, là địa phương có tỷ lệ hộ nghèo rất lớn, tính đến 2024 có 43,16% hộ nghèo (với 2.468 hộ), giảm 390 hộ so với năm 2023 (Hiền Thúy, 2024).

Bên cạnh đó, do địa hình núi cao nên các vấn đề lũ lụt, sạt lở đất ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế và đời sống của người dân ở khu vực Đông Giang và Tây Giang. Huyện Đông Giang và Tây Giang đều nằm trong diện các huyện nguy cơ cao sạt lỡ vào mùa mưa bão của tỉnh Quảng Nam (Thế Phong, 2023). Hàng năm, vào mùa mưa bão chính quyền địa phương ở khu vực này đã huy động các lực lượng hỗ trợ di dời người đân dến khu vực an toàn, tuyên truyền cho người dân chủ động dự trữ lương thực để thích ứng với mưa lũ nếu bị cô lập. Chính vì những điều kiện tự nhiên gặp nhiều rủi ro lũ lụt, sạt lỡ đã ảnh hưởng đáng kể lên đời sống kinh tế - xã hội của người dân.

3. Thực trạng phát triển kinh tế lâm nghiệp ở khu vực miền núi phía Bắc tỉnh Quảng Nam

Với lợi thế là địa hình vùng núi, kinh tế lâm nghiệp trở thành sinh kế quan trọng cho người dân ở các huyện miền núi phía Bắc của tỉnh Quảng Nam. Theo số liệu thống kê, đến năm 2023 tổng diện tích đất lâm nghiệp của các huyện Đông Giang, Tây Giang là 87,26% diện tích đất tự nhiên. Trong ba năm qua, diện tích đất lâm nghiệp được giữ vững, trong đó diện tích rừng trồng mới tập trung năm 2023 đạt 2.854 ha, tăng 487 ha so với năm 2021. Với quy mô diện tích đất lâm nghiệp rộng lớn, các hoạt động kinh tế lâm nghiệp của người dân tập trung vào các lĩnh vực sản xuất sau:

Bảng 1: Diện tích đất lâm nghiệp tại Đông Giang và Tây Giang

Đơn vị tính: ha

Năm		**2021**	**2022**	**2023**
Huyện Đông Giang	Diện tích tự nhiên	82.185,16	82.185,16	82.185,16
	Diện tích đất lâm nghiệp	69.943,29	69.921,00	69.889,08
	Diện tích rừng trồng mới tập trung	1.806,00	1.262,00	2.200,00
Huyện Tây Giang	Diện tích tự nhiên	91.368,32	91.368,32	91.368,32
	Diện tích đất lâm nghiệp	81.545,76	81.546,00	81.545,76
	Diện tích rừng trồng mới tập trung	561,00	820,00	654,00

(Nguồn: Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Nam, 2025)

Về phát triển cây nguyên liệu và cây gỗ lớn: Ở khu vực miền núi phía Bắc của tỉnh Quảng Nam, phát triển cây nguyên liệu chủ yếu là cây keo, như tại Đông Giang có 16,6 nghìn ha cây keo nguyên liệu (Công Tú, 2021). Trong khi đó, ở khu vực Tây Giang không phù hợp với phát triển mô hình cây keo, cho hiệu quả kinh tế thấp. Hiện nay, các địa phương này chuyển dần sang phát triển các mô hình sản xuất cây gỗ lớn, trồng các cây dược liệu dưới tán rừng,… thay thế cho cây keo chịu nhiều rủi ro bởi yếu tố thời tiết, bão lũ và làm bạt màu đất đai. Xu hướng chuyển đổi cây keo sang các loại cây gỗ lớn, cho hiệu quả kinh tế cao hơn 20 lần, chủ yếu trồng các loại cây như: ươi, dổi, lim, kiền kiền,… (Tấn Thành, Chí Đại, 2025). Tại Quảng Nam nói chung và khu vực miền núi nói riêng đã có nhiều chính sách khuyến khích phát triển mô hình trồng cây gỗ lớn. Tuy nhiên, mô hình này vẫn chưa phát triển mạnh mẽ do thời gian sản xuất kéo dài trên 10 năm và có nhiều yếu tố rủi ro do thiên nhiên, thời tiết (Đồng Dung, 2025). Việc chuyển đổi sang mô hình trồng gỗ lớn góp phần quan trọng vào phát triển rừng, bảo vệ môi trường rừng, nâng cao thu nhập bền vững cho người dân trong tương lai.

Phát triển các mô hình trồng dược liệu là lựa chọn chiến lược gắn với lợi thế của các huyện miền núi phía Bắc của tỉnh. Đặc biệt, ở các huyện miền núi cao như Đông Giang, Tây Giang có rất nhiều lợi thế phát triển, chính quyền địa phương đang nỗ lực hỗ trợ người dân tiếp cận, phát triển các mô hình trồng dược liệu theo Nghị quyết 09/2022/HĐND tỉnh. Tại Đông Giang đã thúc đẩy phát triển các sản phẩm như: cây chè dây, cây sâm bảy lá một hoa, ba kích tím, thổ phục linh tại các xã Ba, Tư, A Rooi, Tà Lu và thị trấn Prao. Bên cạnh đó, còn thúc đẩy các mô hình trồng mây dưới tán rừng, quế, xen canh gừng, nghệ,… cũng đã góp phần nâng cao thu nhập cho người dân. Huyện Đông Giang đã thúc đẩy phát triển trong giai đoạn 2019-2024 để triển khai trồng 70 ha ba kích tím, 72,9 ha cây sa nhân, 10,8 ha chè dây Razeh, 3 ha cây bảy lá một hoa, 1,5 ha thổ phục linh

cho 401 hộ gia đình (Công Tú, 2023). Cây chè dây Razeh ở Đông Giang góp phần tạo ra thu nhập cao hơn diện tích trồng keo, trung bình khoảng 150 triệu/ha/năm (VOV, 2023). Đặc biệt, các sản phẩm từ chè dây Razeh và ớt A riêu là 02 sản phẩm OCOP 4 sao (Trần Hậu, 2024). Bên cạnh đó, các sản phẩm nông, lâm nghiệp khác cũng đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế cho hộ gia đình ở Đông Giang như: ớt A riêu, chuối mốc, chuối tiêu, chuối A Vương. Dự án cải thiện và nâng cao năng suất, chất lượng cây lòn bon cũng đã phát huy hiệu quả, góp phần tạo ra lợi nhuận 120 triệu đồng/ha/năm (Công Tú – Trần Hậu, 2023).

Tại Tây Giang, các mô hình trồng cây dược liệu dưới tán rừng đã góp phần nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân. Các mô hình trồng cây dược liệu ba kích, đẳng sâm ở các xã Tr'hy, xã Lăng, ATiêng, Gary, Ch'um đem lại hiệu quả kinh tế cao (Tuyết Lê, 2025). Toàn huyện Tây Giang có hơn 1.000 hộ dân tham gia trồng cây dược liệu với diện tích 941 ha (Trần Hậu – Hồng Phong, 2023). Tây Giang cũng đã triển khai mô hình trồng cây dược liệu theo chuỗi giá trị tại 02 xã Ga Ry và Ch'Ơm. Đặc biệt, với sự tập trung phát triển các mô hình hợp tác xã đã góp phần tạo ra thu nhập cho người dân, trong đó hợp tác xã Ch'Ơm đã giúp cho các hộ gia đình có thu nhập ổn định từ đẳng sâm từ 150 – 200 triệu đồng/năm. Trường hợp như gia đình già làng Bhríu Pố, mỗi năm khai tác 2000 gốc ba kích cũng cho nguồn thu nhập ổn định từ 120-170 triệu đồng/năm (Phương Lâm, 2023). Bên cạnh đó, người dân còn phát triển các loại cây trồng khác như: cây ăn quả, mía, dứa mật,… Từ những lợi thế về cây dược liệu và các sản phẩm trồng trọt khác, Tây Giang đã có 11 sản phẩm OCOP, trong đó có 03 sản phẩm đạt chuẩn 4 sao (Hồng Thanh, 2024).

Bên cạnh đó, quy hoạch bảo tồn và phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030 cũng chỉ ra diện tích quy hoạch một số sản phẩm chủ lực ở Đông Giang và Tây Giang như: đẳng sâm (với hơn 9,1 nghìn ha, chiếm 25,63% diện tích quy hoạch trồng đẳng sâm của tỉnh), ba kích (với 11,2 nghìn ha, chiếm 32,5% của tỉnh), sa nhân (với 14,7 nghìn ha, chiếm 32,28% của tỉnh), đương quy (với 320 ha, chiếm 29,2% của tỉnh), giảo cổ lam (với 2,58 nghìn ha, chiếm 18,56% của tỉnh), lan kim tuyến (hơn 8,9 nghìn ha, chiếm 68,43% của tỉnh) (UBND tỉnh Quảng Nam, 2018). Như vậy, phát triển các mô hình trồng trọt, trồng cây dược liệu gắn với rừng đã và đang đóng vai trò quan trọng cho phát triển kinh tế xã hội khu vực miền núi phía Bắc của tỉnh Quảng Nam. Đặc biệt, các sản phẩm từ cây dược liệu đã và đang giúp tạo sinh kế bền vững cho người dân ở huyện Đông Giang và Tây Giang.

Công tác quản lý, bảo vệ rừng gắn với đặc thù của huyện Đông Giang và Tây Giang ngày càng phát triển, đã góp phần quan trọng vào nâng cao vai trò, trách nhiệm của người dân trong bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học. Việc giao khoán bảo vệ rừng cho người dân ở Quảng Nam nói chung và khu vực miền núi phía Bắc nói riêng đã và đang phát huy hiệu quả, góp phần quan trọng vào phát triển bền vững rừng, cải thiện đời sống nhân dân và đặc biệt là bảo vệ các hệ sinh thái rừng. Đông Giang và Tây Giang là 02 địa phương chủ yếu nằm trong lâm phận Khu bảo tồn loài Sao la, do đó công tác bảo vệ rừng là hết sức quan trọng để thúc đẩy phát triển hệ sinh thái, đa dạng sinh học rừng. Theo đó, tại Đông Giang có hơn 31,6 nghìn ha thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng, trong đó giao khoán cho cộng đồng hơn 16,1 nghìn ha, với 33 cộng đồng nhận khoán. Các cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng thường xuyên, định kỳ phối hợp với Trạm bảo vệ rừng để tuần ra, và định kỳ ít nhất mỗi tuần một lần các cộng đồng thực hiện tuần tra ở các diện tích được giao khoán. Ngoài ra, trong năm có thời điểm nguy cơ cao về cháy rừng, xâm hại rừng thì hoạt động tuần tra được thực hiện với mật độ thường xuyên hơn. Công tác tuần tra của các cộng đồng địa phương vừa góp phần quan trọng vào bảo vệ rừng, vừa phát hiện những vụ vi phạm luật Lâm nghiệp để kịp thời xử lý. Điển hình như trong 03 tháng đầu năm 2025, công tác tuần tra bảo vệ rừng đã phát hiện 02 vụ vi phạm là vận chuyển trái phép lâm sản và tác động đến rừng trái quy định (Lê Mỹ, 2025). Tại Tây Giang tính đến năm 2024, có khoảng gần 50 nghìn ha được giao khoán bảo vệ rừng, trong đó có hơn 37 nghìn ha giao khoán cho 64 cộng đồng địa phương tại 10 xã bảo vệ. UBND huyện cũng đã cấp phát đủ sổ ghi nhật ký tuần tra, sổ theo dõi kinh phí dịch vụ môi trường rừng; tổ chức ký cam kết bảo vệ và phòng cháy rừng với gần 3,4 nghìn hộ dân (Nguyễn Nhàn – Nguyễn Điềm, 2024). Đặc biệt, ở Tây Giang sở hữu khu rừng Pơmu (rừng cây di sản) được xem là báu vật rừng thiêng của đồng bào Cơ Tu, luôn được bảo vệ nghiêm ngặt

và bằng luật tục quy định của làng. Bên cạnh đó, quần thể lim quý tại xã Lăng cũng trong rừng di sản của Tây Giang đang được bảo vệ nghiêm ngặt. Từ chính sách chi trả dịch vụ bảo vệ rừng ở Đông Giang và Tây Giang không chỉ góp phần quan trọng vào bảo tồn và phát triển rừng, bảo vệ hệ sinh thái và đa dạng sinh học mà còn góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ rừng và thu nhập cho người dân. Do tập quán sinh sống của người dân dựa vào rừng, dựa vào cộng đồng và tính cộng đồng cao nên việc giao khoán cho cộng đồng bảo vệ rừng là phù hợp và huy động được toàn dân tham gia bảo vệ rừng.

Ngoài các hoạt động kinh tế gắn trực tiếp với hoạt động lâm nghiệp, chính quyền địa phương ở khu vực miền núi phía Bắc tỉnh Quảng Nam cũng đã thúc đẩy phát triển các mô hình chăn nuôi như: hươu, bò, heo, gia cầm,… đã góp phần quan trọng vào cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống nhân dân (T.Nhân - H.Trường, 2024a; T.Nhân-H.Trường, 2024b; A Viết Sĩ, 2023). Đặc biệt, mô hình nuôi hươu lấy nhung ở Đông Giang tạo thu nhập tốt cho người dân, trung bình mỗi năm 1 con hưu cho khai thác từ 1 đến 1,5 kg nhung, với giá bán khoảng 14 triệu đồng/kg; mô hình nuôi heo cỏ, heo đen tại Tà Lu cũng cho thu nhập khá (Thanh Loan, 2025); mô hình trang trại ở xã Lăng (Tây Giang); … Những kết quả đạt được trong lĩnh vực chăn nuôi ở Đông Giang và Tây Giang là kết quả tích cực từ thực hiện chính sách theo Quyết định 2004/2019/QĐ-UBND[3] của tỉnh Quảng Nam.

4. Một số vấn đề đặt ra đối với phát triển kinh tế lâm nghiệp ở khu vực miền núi phía Bắc tỉnh Quảng Nam

Thứ nhất, khu vực miền núi của tỉnh Quảng Nam nói chung và Đông Giang, Tây Giang nói riêng có địa hình núi cao, hiểm trở. Do đó, việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng là rất khó khăn, nhiều khu vực thôn, thậm chí là còn 01 xã ở Tây Giang là chưa có đường giao thông thuận lợi để ô tô vào đến tận nơi. Đặc biệt, các tuyến đường chính chưa được đầu tư đồng bộ, các tuyến đường đến các vùng sản xuất, vùng, thôn, xóm rất hạn chế. Đây là trở lực lớn cho phát triển kinh tế xã hội của khu vực này cũng như thúc đẩy phát triển kinh tế lâm nghiệp. Cụ thể như trường hợp phát triển cây keo ở khu vực đồng bằng, vùng có địa hình trung du thì cho hiệu quả kinh tế, nhưng ở Đông Giang và Tây Giang cho hiệu quả kinh tế thấp đáng kể so với các loại cây trồng khác. Chính hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông khó khăn dẫn đến không thuận lợi cho buôn bán, giao thương các sản phẩm từ lâm nghiệp của vùng.

Thư hai, do địa hình núi cao nên khu vực Đông Giang, Tây Giang nguy cơ cao sạt lỡ vào mùa mưa bão, ảnh hưởng đến kinh tế, đời sống và hoạt động sản xuất của người dân, bao gồm cả các hoạt động sản xuất lâm nghiệp. Vào mùa mưa bão, các địa phương Đông Giang, Tây Giang đều xây dựng kịch bản di dời nhà cửa, sơ tán hàng nghìn hộ dân tại các điểm ngập lụt, sạt lỡ đất, nguy cơ lũ quét (Hoàng Bin, 2024). Chính vì chịu sự tác động lớn của thiên tai không chỉ cản trở phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng để hoạt động sản xuất lâm nghiệp, hoạt động kinh tế gắn với rừng của người dân.

Thứ ba, mặc dù phát triển cây keo là không mang lại hiệu quả kinh tế cao, chịu nhiều rủi ro bởi yếu tố thời tiết, thiên tai nhưng vẫn còn diện tích khá lớn. Do việc trồng keo có thời gian ngắn, trồng với mật độ dày, đốt thực bì trước khi trồng về lâu dài làm tăng nguy cơ thoái hóa đất đai canh tác, dễ gây hiện tượng sạt lở ở những khu vực có độ dốc cao. Chính vì vậy, với địa hình của Đông Giang, Tây Giang là không phù hợp phát triển loại cây trồng này. Giá trị kinh tế của cây keo thu được sau 5 năm trồng đạt khoảng 50 triệu/ha là thấp hơn nhiều so với những loại cây trồng khác. Bên cạnh đó, việc tiếp tục phát triển cây keo sẽ tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến các diện tích rừng được bảo vệ và các vấn đề tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái rừng.

Thứ tư, các mô hình trồng cây gỗ lớn bước đầu phát triển, nhưng vẫn chưa được triển khai đồng bộ, hiệu quả, chưa khuyến khích người dân mạnh dạn đầu tư phát triển mô hình này. Nguyên nhân là do thời gian phát triển các mô hình sản xuất cây gỗ lớn thường kéo dài trên 10 năm, nhiều cây gỗ lớn như lim, dỗi,… có thời gian sinh trưởng chậm dẫn đến chu kỳ tạo ra thu nhập cho người dân khá dài.

Thứ năm, mặc dù cây dược liệu là hướng đi, lựa chọn phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của các địa phương Đông Giang, Tây Giang nhưng vẫn còn nhiều vấn đề thách thức đặt

ra cho người dân. Nguồn giống, kỹ thuật canh tác vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, chỉ mới có một số vườn ươm và cung cấp giống phần nào cho người dân. Một bộ phận người dân phát triển các mô hình trồng dược liệu sử dụng giống được khai thác từ nguồn tự nhiên. Bước đầu hình thành các HTX để sản xuất các sản phẩm từ dược liệu, với nhiều sản phẩm OCOP nhưng các sản phẩm chế biến sâu vẫn còn rất khiêm tốn. Các sản phẩm dược liệu thu hái chủ yếu bán thô hoặc sấy khô. Đầu ra của các sản phẩm dược liệu cũng có những khó khăn nhất định, chưa phát triển đồng bộ các mô hình sản xuất theo chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị. Các nguồn lực đầu tư của người dân, doanh nghiệp và địa phương cho cây dược liệu cũng có những hạn chế nhất định, điều đó cản trở nhất định đến phát huy tiềm năng, thế mạnh của cây dược liệu của khu vực này. Thị trường tiêu thụ các sản phẩm dược liệu vẫn còn thiếu ổn định; tiêu thụ sản phẩm phụ thuộc chủ yếu vào các cơ sở thu mua tư nhân, nên chịu rủi ro về yếu tố giá cả sản phẩm.

Thứ sáu, mặc dù cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển và bảo vệ rừng được cải thiện nhưng vẫn còn những vấn đề đặt ra nhất định. Các vấn đề như: đo đạt, lập hồ sơ địa chính, cấp chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp vẫn còn chậm (H. Giang – P. Giang, 2024). Công tác quản lý, bảo vệ rừng vẫn còn gặp những khó khăn nhất định do nguồn lực đầu tư, thiếu các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác quản lý rừng, nhất là các hệ thống giám sát thụ động (Nguyễn Nhàn – Nguyễn Điểm, 2024); Ngọc Vy – Ating Hàn, 2025). Công tác tuần tra, kiểm soát vẫn chủ yếu dựa vào con người nên không kiểm soát được toàn diện các diện tích rừng được quản lý. Ngoài ra, các rủi ro về phá rừng, cháy rừng vẫn nguy cơ cao diễn ra. Đặc biệt, các hoạt động khai thác trái phép vẫn còn diễn ra, ảnh hưởng nghiêm trọng các diện tích rừng (Thanh Phong, 2025; Trương Hồng, 2024; Hiền Thúy, 2023).

5. Một số giải pháp phát triển kinh tế lâm nghiệp ở khu vực miền núi phía Bắc tỉnh Quảng Nam

Một là, tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chính sách quản lý, bảo vệ rừng và môi trường rừng tại khu vực miền núi phía Bắc của tỉnh Quảng Nam. Đặc biệt, trong bối cảnh mới đòi hỏi cả hệ thống chính trị cấp cơ sở cần quyết liệt hơn trong công tác bảo vệ rừng. Thực tiễn đã phân tích trên cho thấy, vai trò rất quan trọng của rừng ở khu vực Đông Giang, Tây Giang cho bảo tồn và phát triển các giá trị sinh thái rừng. Đặc biệt, nơi đây bảo tồn nhiều loài động, thực vật quý hiếm như Sao la, các quần thể rừng Pơmu, lim, các hệ sinh thái rừng. Do đó, tiếp tục triển khai thực hiện tốt hơn nữa việc giao khoán rừng cho cộng đồng[4], đặc biệt là mở rộng quy mô diện tích giao khoán rừng cho cộng đồng. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ như: vệ tinh, GPS vào nâng cao hiệu quả giám sát, phát hiện sớm những hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lâm nghiệp. Tiếp tục tăng cường nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích, vai trò của rừng, kết hợp với các hoạt động cụ thể về các phong trào bảo vệ rừng và chỉ ra các giá trị thiết thực của rừng. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu và nâng cao hơn nữa mức chi trả dịch vụ môi trường rừng cho cộng đồng tham gia bảo vệ rừng là giải pháp lâu dài. Kết hợp với cơ chế kiểm tra, đánh giá năng lực tham gia của cộng đồng đối với từng chủ thể tham gia, để qua đó vừa thúc đẩy, khuyến khích, vừa có những giải pháp cụ thể để lựa chọn chủ thể tham gia phù hợp. Gắn lợi ích thiết thực của cộng đồng với công tác bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp tại Đông Giang, Tây Giang nói riêng và khu vực miền núi của tỉnh Quảng Nam nói chung. Bên cạnh các chính sách liên quan đến hỗ trợ bảo vệ, phát triển rừng thì cần triển khai mạnh mẽ các biện pháp ngăn ngừa, chống phá rừng. Xử lý răn đe các hành vi phá rừng, làm tổn hại đến rừng trên địa bàn tỉnh nói chung và khu vực miền núi phía Bắc của tỉnh nói riêng.

Hai là, tiếp tục phát triển da dạng kinh tế dược liệu gắn với rừng, bảo vệ môi trường rừng là hướng đi then chót, bền vững và tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng. Trước hết, quy hoạch chi tiết phân bổ không gian sản xuất dược liệu trên địa bàn từng huyện (sau hợp nhất địa phương, thực hiện quy chi tiết trồng từng loại cây dược liệu phù hợp và có thế mạnh của từng địa bàn cụ thể). Tiếp tục nghiên cứu phát triển giống, vườn ươm giống dược liệu chất lượng cao để phục vụ phát triển sản xuất. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc từng loại dược liệu gắn với từng địa bàn cụ thể, phù hợp với đặc điểm thổ nhưỡng và các mục tiêu bảo vệ môi trường rừng, phát

triển bền vững để hỗ trợ cho cộng đồng. Khai thác hiệu quả tài nguyên dưới tán rừng để phát triển các mô hình trồng dược liệu phù hợp với yêu cầu bảo vệ tài nguyên, môi trường rừng.

Đặc biệt, đẩy mạnh phát triển chế biến sâu và tiêu thụ các sản phẩm từ dược liệu ở khu vực miền núi phía Bắc của tỉnh. Các hợp tác xã tiếp tục nghiên cứu, tạo ra các sản phẩm dược liệu tốt hơn, phù hợp hơn với thị trường. Đặc biệt là phát triển các sản phẩm dược liệu liên quan đến bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho con người. Tập trung thu hút, phát triển các doanh nghiệp, các cơ sở chế biến dược liệu phục vụ cho thị trường. Hoàn thiện, nâng cao hiệu quả của chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị sản phẩm dược liệu. Từng bước nghiên cứu, phát triển và vận hành các môi hình chuỗi sản xuất dược liệu mới. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm dược liệu của khu vực miền núi phía Bắc của tỉnh nói riêng và toàn tỉnh nói chung thông qua đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu sản phẩm dược liệu.

Thứ ba, tiếp tục phát triển mô hình trồng cây gỗ lớn ở miền núi phía Bắc của tỉnh là mục tiêu đảm bảo sinh kế trong tương lai cho người dân. Dựa vào các mô hình phát triển kinh tế lâm nghiệp "lấy ngắn nuôi dài" để phát triển các mô hình cây gỗ lớn có giá trị kinh tế cao. Việc phát triển các mô hình trồng cây gỗ lớn không chỉ giúp phát triển kinh tế mà còn góp phần thúc đẩy tái tạo và phát triển rừng. Bên cạnh đó, từng bước thay thế các diện tích trồng keo (ngắn ngày) đang cho hiệu quả kinh tế không cao và nhiều rủi ro bởi thiên tai, mưa, bão. Kết hợp song song với trồng cây gỗ lớn là phát triển các loại cây ngắn ngày dưới tán rừng gắn với lợi thế ở khu vực này có nhiều loại cây gỗ lớn đặc thù như: lim, dổi, kiền kiền, ươi,… Đặc biệt là tiếp tục ưu tiên bảo vệ, tái tạo và phát triển khu rừng Pơmu (rừng cây di sản).

Thứ tư, phát triển triển các mô hình sản xuất nông – lâm kết hợp, mô hình kinh tế vườn. Hình thành và phát triển đa dạng các mô hình sản xuất kết hợp trồng cây gỗ lớn, cây dược liệu, cây ăn quả, chăn nuôi các loài đặc thù như: lợn đen, hươu, gà, bò,… dưới tán rừng.

Thứ năm, tiếp tục phát triển cơ sở hạ tầng ở khu vực miền núi phía Bắc của tỉnh Quảng Nam, đặc biệt là hệ thống hạ tầng giao thông kết nối, thuận lợi cho giao thương phát triển. Việc phát triển cơ sở hạ tầng không chỉ là nền tảng phát triển kinh tế - xã hội địa phương mà còn thúc đẩy phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững. Cơ sở hạ tầng tốt sẽ hỗ trợ nâng cao giá trị của kinh tế lâm nghiệp, nhất là đưa các sản vật rừng, các sản phẩm dược liệu đến với người tiêu dùng.

Thứ sáu, đặc thù của Đông Giang, Tây Giang là đông đảo người dân là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và có nhiều truyền thống văn hóa đặc sắc. Do đó, việc tuyên truyền xây dựng, phát triển các mô hình, hoạt động bảo vệ và phát triển rừng trở thành một phần rất quan trọng vào truyền thống văn hóa và đời sống của người dân.

6. Kết luận

Phát triển kinh tế lâm nghiệp ở khu vực miền núi phía Bắc của tỉnh Quảng Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong thời gian qua. Đặc biệt, các mô hình kinh tế lâm nghiệp gắn với cây dược liệu, cây gỗ lớn và các mô hình cộng đồng bảo vệ rừng đã và đang đóng vai trò hết sức quan trọng cho kinh tế lâm nghiệp của khu vực này. Các mô hình giao khoán bảo vệ rừng cho cộng đồng đã góp phần quan trọng thúc đẩy bảo tồn, phát triển hệ sinh thái, môi trường rừng và nâng cao sinh kế cho cộng đồng. Tuy nhiên, phát triển kinh tế lâm nghiệp của khu vực này đang đối mặt với nhiều khó khăn như: cơ sở hạ tầng kém, phát triển các mô hình sản xuất chưa đi vào chiều sâu, sản phẩm gặp khó khăn tiếp cận thị trường, chưa có nhiều thương hiệu lớn gắn với các sản phẩm lâm nghiệp,…Để thúc đẩy phát triển kinh tế lâm nghiệp ở khu vực này đòi hỏi cơ quan quản lý nhà nước thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp gắn với đặc thù của Đông Giang và Tây Giang. Trong đó, trọng tâm tập trung vào các biện pháp giao khoán bảo vệ rừng, phát triển kinh tế dược liệu, cây gỗ lớn là hướng đi cốt lõi cho phát triển kinh tế lâm nghiệp ở khu vực miền núi phía Bắc của tỉnh Quảng Nam trong thời gian tới.

Chú thích:

(1) Khu vực miền núi của tỉnh Quảng Nam có 09 huyện miền núi gồm Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My, Hiệp Đức, Tiên Phước và Nông Sơn (nhập vào huyện Quế Sơn từ ngày 01/01/2025).

(2) Nghị quyết 88/2019/QH14 của Quốc hội: Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

(3) Quyết định số 2004/2019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về phê duyệt phương án thí điểm hỗ trợ chăn nuôi hộ tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2019-2020.

(4) Thực tiễn giao khoán rừng cho cộng đồng quản lý đã mang lại "lợi ích kép", vừa nâng cao nhận thức, trách nhiệm bảo vệ rừng, vừa giúp cải thiện sinh kế, đời sống cho người dân (Trần Hữu, 2024).

Ghi chú: Bài viết này là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở "*Phát triển kinh tế lâm nghiệp ở khu vực miền núi phía Bắc, tỉnh Quảng Nam*" do Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên chủ trì thực hiện.

Tài liệu tham khảo

A Viết Sĩ (2023). Khởi nghiệp từ mô hình nuôi bò trang trại, chàng trai Cơ Tu có thu nhập ổn định. Truy xuất tại: https://vov.vn/, ngày 10/3/2025.

Anh Dũng (2024). Đổi thay trên vùng cao Đông Giang. Truy xuất tại: https://nongnghiep-moitruong.vn/, ngày 10/2/2025.

Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Nam (2025). Hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh Quảng Nam. Truy xuất tại: https://htdn.quangnam.gov.vn/, ngày 10/4/2025.

Công Tú (2021). Đông Giang khai phá tiềm năng nông - lâm nghiệp. Truy xuất tại: https://baoquangnam.vn, ngày 10/2/2025.

Công Tú – Trần Hậu (2023). Chuyển đổi cơ cấu cây trồng giúp giảm nghèo ở huyện miền núi Đông Giang của Quảng Nam. Truy xuất tại: https://danviet.vn/, ngày 10/2/2025.

Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam (2024). Niên giám thống kê tỉnh Quảng Nam năm 2023. Nxb Thống kê. Hà Nội.

Đại Thành – Thái Bình (2022). Đông Giang (Quảng Nam): Đầu tư phát triển mạng lưới giao thông. Truy xuất tại: https://daidoanket.vn/, ngày 10/2/2025.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật. Hà Nội.

Đồng Dung (2025). Quảng Nam: Tái cơ cấu ngành lâm nghiệp theo hướng phát triển mô hình trồng rừng gỗ lớn. Truy xuất tại: https://khuyennongvn.gov.vn/, ngày 13/5/2025.

Hồng Thanh (2024). Hướng thoát nghèo từ sản phẩm OCOP. Truy xuất tại: https://cadn.-com.vn/, ngày 10/4/2025.

Hiền Thúy (2024). Năm 2024, Tây Giang có 2.468 hộ nghèo. Truy xuất tại https://taygiang.-quangnam.gov.vn/, ngày 10/2/2025.

HT (2024). Tây Giang tổ chức thành công Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số lần thứ IV năm 2024. Truy xuất tại: https://quangnam.gov.vn/, ngày 10/2/2025.

Khánh Nguyên (2023). Tây Giang phát triển hạ tầng nông thôn. Truy xuất tại: https://dantocmiennui.baotintuc.vn/, ngày 10/2/2025.

Lan Anh (2024). Đông Giang (Quảng Nam): Bảo vệ môi trường là điểm tựa phát triển kinh tế. Truy xuất tại: https://nongnghiepmoitruong.vn/, ngày 10/2/2025.

Lê Mỹ (2025). Cộng đồng ở Đông Giang chung tay giữ rừng. Truy xuất tại https://baoquangnam.vn/, ngày 10/5/2025.

Ngọc Thi (2024). Đông Giang giảm nghèo bền vững. Truy xuất tại: https://cand.com.vn/, ngày 10/2/2025.

Ngọc Vy – Va Ra (2024). Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số huyện Đông Giang lần thứ IV. Truy xuất tại: https://baoquangnam.vn/, ngày 10/2/2025.

Nguyễn Nhàn – Nguyễn Điểm (2024). Nỗ lực bảo vệ màu xanh đại ngàn. Truy xuất tại: https://congnghiepmoitruong.vn/, ngày 10/3/2025.

Phương Lâm (2023). Tây Giang – Quảng Nam: Bà con làm giàu từ cây dược liệu. Truy xuất tại: https://moit.gov.vn/, ngày 10/2/2025.

Quốc hội 14 (2017). Luật Lâm nghiệp. Luật số 16/2017/QH14.

Tấn Thành, Chí Đại (2025). Quảng Nam: Phát triển trồng rừng gỗ lớn. Truy xuất tại: https://daidoanket.vn/, ngày 20/4/2025.

Thế Phong (2023). Quảng Nam cảnh báo nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở, sụt lún đất. Truy xuất tại: https://baochinhphu.vn/, ngày 10/2/2025.

T. Nhân – H. Trường (2024a). Tây Giang (Quảng Nam): Đồng bào Cơ Tu đổi mới cách nghĩ, cách làm để thoát nghèo. Truy xuất tại: https://baodantoc.vn/, ngày 10/2/2025.

T. Nhân – H. Trường (2024b). Đông Giang (Quảng Nam): Xuất hiện nhiều mô hình sinh kế hiệu quả. Truy xuất tại: https://baodantoc.vn/, ngày 10/2/2025.

Trần Công Tú (2024). Đông Giang phát triển chuỗi giá trị sản xuất, các sản phẩm OCOP. Truy xuất tại https://baoquangnam.vn/, ngày 10/2/2025.

Trần Hậu (2024). Quảng Nam: Đông Giang khai thác tiềm năng từ núi rừng để phát triển sản phẩm OCOP. Truy xuất tại: https://etime.danviet.vn/, ngày 10/2/2025.

Trần Hậu – Đoàn Hồng (2022). Quảng Nam: "Làn gió mát" giúp huyện miền núi Đông Giang đổi thay từng ngày. Truy xuất tại: https://danviet.vn/, ngày 10/2/2025.

Trần Hữu (2024). Chi trả dịch vụ môi trường rừng: Thiết lập cơ chế bảo vệ rừng ổn định. Truy xuất tại: https://baoquangnam.vn/, ngày 10/4/2025.

Trần Hậu – Hồng Phong (2023). Huyện miền núi Tây Giang ở Quảng Nam đổi thay đáng mừng sau 20 năm tái lập. Truy xuất tại https://danviet.vn/, ngày 10/3/2025.

Tuyết Lê (2025). Trồng cây dược liệu dưới tán rừng, nhiều hộ dân miền núi Quảng Nam thoát nghèo. Truy xuất tại: https://vov.vn/, ngày 10/3/2025.

Võ Duy Lân (2024). Tây Giang vững bước trên đường phát triển. Truy xuất tại: https://vietnamhoinhap.vn/, ngày 10/2/2025.

VOV (2023). Huyện miền núi Đông Giang tập trung phát triển 4 vùng nông nghiệp chủ lực. Truy xuất tại: https://vov.vn/, ngày 10/2/2025.

UBND tỉnh Quảng Nam (2018). Quy hoạch bảo tồn và phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030. Quyết định số 301/2018/QĐ-UBND ngày 22/1/2018.

Thanh Loan (2025). Liên kết chuỗi chăn nuôi giúp người dân Đông Giang cải thiện sinh kế. Truy xuất tại: https://vnbusiness.vn/, ngày 20/4/2025.

Hoàng Bin (2024). Miền núi Quảng Nam đối mặt với nguy cơ sạt lở sau bão. Truy xuất tại: https://laodong.vn/, ngày 10/2/2025.

H. Giang – P. Giang (2024). Vướng quy hoạch và tài chính, Quảng Nam khó quy chủ đất rừng. Truy xuất tại: https://baoquangnam.vn/, ngày 10/4/2025.

Thanh Phong (2025). Quảng Nam: Chặt, phá rừng trái phép, 3 doanh nghiệp bị xử phạt. Truy xuất tại: https://tuoitrethudo.vn/, ngày 10/4/2025.

Trương Hồng (2024). Hạt Kiểm lâm đã khởi tố vụ phá rừng thuộc dự án đường dây 110kV của thủy điện Tr'Hy ở Quảng Nam. Truy xuất tại: https://danviet.vn/, ngày 10/3/2025.

Hiền Thúy (2023). Giai đoạn 2003 - 2023, kiểm lâm Tây Giang xử lý 267 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp. Truy xuất tại: https://baoquangnam.vn/, ngày 10/2/2025.

Ngọc Vy – Ating Hàn (2025). Chia sẻ kỹ năng tuần tra bảo vệ rừng tại Đông Giang và Tây Giang. Truy xuất tại: https://baoquangnam.vn/, ngày 10/4/2025.

THỂ LỆ GỬI BÀI CHO TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

1. Bài viết gửi đăng trên Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung phải là bài viết chưa từng được gửi đăng, đăng tải trên bất kỳ các sách, báo, tạp chí khác.

2. Bài viết gửi đăng có dung lượng từ 5.000-8.000 từ, được đánh máy vi tính trên khổ giấy A4, sử dụng font chữ Times New Roman, cỡ chữ 14, cách dòng Single, các đoạn 6 pt. Trang đầu tiên của bài viết bao gồm các thông tin về tác giả: họ và tên, học hàm, học vị, cơ quan công tác, số điện thoại, địa chỉ email liên hệ (nếu có từ 02 tác giả trở lên, đều phải đảm bảo đầy đủ thông tin trên).

3. Tiêu đề bài viết, tóm tắt (khoảng 100-200 từ), từ khoá phải được trình bày cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh ngay sau trang thông tác giả.

4. Kết cấu bài viết được chia thành các mục, tiểu mục và cần đánh theo số thứ tự: 1. Đặt vấn đề; 2.; 2.1.; 2.1.1.;. . .;n. Kết luận; Tài liệu tham khảo. Tên của mục và tiểu mục cần viết ngắn gọn, thể hiện bản chất của nội dung trình bày và không có dấu chấm ở cuối dòng.

5. Tên riêng của người, địa phương, thuật ngữ tiếng nước ngoài để nguyên văn, không phiên âm sang tiếng Việt, trừ những tên, thuật ngữ đã được Việt hoá (như Trung Quốc, Thái Lan,. . .).

6. Bài viết phải đảm bảo trích dẫn đầy đủ các thông tin, số liệu, nội dung, đại ý, kết luận. . .(nếu tham khảo từ các tài liệu khác). Đối với các đoạn trích dẫn trong bài viết nếu trích dẫn nguyên văn thì phần trích dẫn phải được để trong dấu ngoặc kép, nếu là trích dẫn nội dung, đại ý (bao gồm cả số liệu, thông tin, kết luận, phát hiện,. . .không dùng nguyên văn) thì không phải để trong dấu ngoặc kép. Cả 2 loại trích dẫn này đều được trích nguồn đầy đủ và ở dạng chữ thường.

7. Tài liệu trích dẫn được trình bày trong dấu ngoặc đơn và viết theo thứ tự sau:

- Là tác giả Việt Nam: Họ và tên tác giả, năm xuất bản, số trang (nếu có). Ví dụ (Nguyễn Văn A, 2011, 10).

- Là tác giả nước ngoài: Họ tác giả, năm, số trang (nếu có). Ví dụ (Stiglitz, 1986).

8. Chú thích được trình bày trong dấu ngoặc đơn và đánh số thứ tự 1, 2, 3. Nội dung của chú thích được trình bày ở cuối bài viết bằng mục Chú thích và đặt trên tài liệu tham khảo. Ví dụ: Vùng Nam Trung Bộ[1]. Cuối bài viết trình bày:

Chú thích:

(1) Vùng Nam Trung Bộ bao gồm 8 tỉnh/thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận.

9. Tài liệu tham khảo được trình bày theo chuẩn quốc tế APA và được sắp xếp theo thứ tự Alphabet.

+ Đối với tài liệu là bài báo trong các tạp chí:

- *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). Tiêu đề bài viết. *Tên tạp chí,* số quyển (số phát hành), số trang.

Ví dụ: Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn B (2024). Phát triển kinh tế Việt Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung,* 1(82), 3-10.

- *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). Tiêu đề bài viết. *Tên tạp chí,* số quyển (số phát hành), số trang. Ví dụ: Wang, S., Wang, J., Shen, W., & Wu, H. (2023). The evaluation of tourism service facilities in Chinese traditional villages based on the living protection concept: Theoretical framework and empirical case study. *Journal of Asian Architecture and Building Engineering*, *22*(1), 14-31.

+ Đối với tài liệu là sách:

- *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). *Tiêu đề sách (phiên bản)*. Nhà xuất bản. Nơi xuất bản.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (chủ biên). (2024). *Giáo trình kinh tế phát triển*. Nxb Giáo dục. Hà Nội.

- *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). *Tiêu đề sách (phiên bản).* Nhà xuất bản. Nơi xuất bản. Ví dụ: Chang, H. J. (Ed.). (2003). *Rethinking development economics* (Vol. 1). Anthem Press.

+ Đối với tài liệu là bài đăng trên kỷ yếu hội thảo:

- *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). Tiêu đề tham luận. *Tên kỷ yếu hội thảo* (Số trang). Nơi xuất bản.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2024). Điều chỉnh tỷ giá thị trường. *Hội thảo phát triển kinh tế miền Trung* (10-20). Đà Nẵng.

- *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). Tiêu đề tham luận. *Tên kỷ yếu hội thảo* (số trang). Nơi xuất bản. Ví dụ: Kremer, M., Rao, G., & Schilbach, F. (2019). Behavioral development economics. In *Handbook of behavioral economics: applications and foundations 1* (Vol. 2, pp. 345-458). North-Holland.

+ Đối với tài liệu là bài đăng trên internet:

- *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). *Tiêu đề bài viết*. Truy xuất từ đường dẫn trang web, ngày/tháng/năm truy cập.

Ví dụ: Minh Ngọc (2024). *FDI tháng 5/2024: Vốn điều chỉnh đạt mức tăng ấn tượng*. Truy xuất từ https://baochinhphu.vn/fdi-thang-5-2024-von-dieu-chinh-dat-muc-tang-an-tuong-102240528083927875.htm, ngày 10/5/2024.

- *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). *Tiêu đề bài viết*. Truy xuất từ đường dẫn trang web, ngày/tháng/năm truy cập. Ví dụ: Lund, C. (2023). *The Effects of Mental Health Interventions on Labor Market Outcomes in Low- and Middle-Income Countries*. Truy xuất tại https://www.nber.org/papers/w32423, ngày 10/5/2024.

10. Xin gửi bản thảo bài viết qua địa chỉ email: tckhxhmientrung@gmail.com

Lưu ý: Toà soạn Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung chỉ nhận bài viết đáp ứng đúng thể lệ gửi bài trên.

Thông tin liên hệ:

Toà soạn Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3962.510

Website: https://isscr.vass.gov.vn hoặc https://vjol.info.vn/index.php/isscr/index

GIÁ: 30.000 đồng

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3962.510

Email: tckhxhmientrung@gmail.com